

Thứ năm, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/3/2023		●	
Tuần 6/3-10/3/2023		●	
Tháng 03/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Xu hướng tăng nhẹ kéo dài trong phiên hôm nay và kết phiên tại mức 1055.95 điểm, tăng nhẹ 6.77 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/19 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí (HVN) tăng mạnh nhờ thông tin Trung Quốc sẽ mở tour du lịch sang Việt Nam kể từ ngày 15/03. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường đang có dấu hiệu kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 1050 điểm. Thanh khoản gia tăng trong những phiên gần đây đang ủng hộ xu hướng tăng điểm của VN-Index. Tuy nhiên, các nhà đầu tư vẫn nên giao dịch thận trọng trước khả năng FED nâng lãi suất vượt mức dự kiến. Quyết định này sẽ phụ thuộc khá nhiều vào con số CPI tháng 02 (14/03).

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 9/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+6.77** điểm, đóng cửa **1055.95** điểm. HNX-Index **+0.35** điểm, đóng cửa **209.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+0.95)**, **GVR (+0.65)**, **STB (+0.54)**, **VJC (+0.48)**, **HVN (+0.47)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.44)**, **VRE (-0.15)**, **BCM (-0.13)**, **VCF (-0.07)**, **HDB (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,606** tỷ đồng, tăng **22.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **10,729** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **11.38** điểm. Thị trường có **271** mã tăng, **67** mã tham chiếu, **118** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **189.98** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HSG (**65.37** tỷ), SSI (**55.63** tỷ), POW (**39.06** tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.93** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1055.95**

Giá trị: 9605.67 tỷ

6.77 (0.64%)

Khối ngoại (ròng): 189.98 tỷ

HNX-INDEX **209.03**

Giá trị: 844.86 tỷ

0.35 (0.17%)

Khối ngoại (ròng): 4.93 tỷ

UPCOM-INDEX **76.60**

Giá trị: 283.11 tỷ

0.11 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): -12.17 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	76.5	-0.18%
Giá vàng	1,817	0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,708	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,041	0.08%
Tỷ giá JPY/VND	174	0.62%
LS liên NH 1 tháng	7.2%	0.35%
LS TPCP 5 năm	3.9%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HSG	65.37	DCM	-63.86
SSI	55.63	VCB	-38.81
POW	39.06	DXG	-19.78
HPG	37.46	FUEVFN	-19.75
VRE	29.81	SAB	-12.43

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 9/3

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	76.39	-1.53%	-1.67%	-2.40%	-27.28%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.42	-1.05%	-2.24%	-1.95%	-23.00%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.69	-0.37%	0.60%	1.88%	-17.30%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1813.86	0.02%	-1.25%	-2.55%	-8.92%		PNJ
Bạc	Ounce	20.03	-0.10%	-4.59%	-8.84%	-22.15%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1525.50	0.02%	1.41%	0.41%	-8.75%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	673.97	-1.57%	-3.30%	-11.00%	-39.30%	AFX	
Sữa	Cwt	17.65	-0.28%	-0.56%	-1.73%	-21.69%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	136.40	-1.94%	-3.26%	-1.73%	-24.35%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.88	-0.67%	1.51%	-2.66%	10.24%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.69	0.00%	-2.18%	-4.27%	-5.28%		
Cà phê	LB	179.55	-1.43%	-3.10%	3.40%	-22.09%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	4.05	1.49%	-2.93%	-0.81%	-11.35%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4235.00	0.36%	0.83%	4.85%	-14.55%		HPG
Nhôm	Ton	2365.00	0.55%	-2.73%	-5.36%	-29.21%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	129.00	1.98%	2.38%	4.03%	-17.57%	HPG	
Than đá	Ton	182.00	1.11%	-5.21%	-19.29%	-56.73%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent kết thúc phiên giảm 2.89 USD, tương đương 3.4%, chốt ở mức 83.29 USD/thùng, trong khi dầu thô Trung cấp Tây Texas của Mỹ (WTI) giảm 2.88 USD, tương đương 3.6%, đóng cửa ở mức 77.58 USD/thùng. Đó là mức giảm phần trăm lớn nhất trong một ngày đối với cả hai hợp đồng kể từ 4 tháng 1.
- Giá dầu giảm 3 USD/thùng vào thứ Ba sau bình luận của Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), Jerome Powell, làm dấy lên lo ngại về việc Fed sẽ tăng mạnh lãi suất. Đồng đô la mạnh lên và dữ liệu thấp từ nhà nhập khẩu dầu thô hàng đầu thế giới - Trung Quốc – cũng gây thêm áp lực giảm giá.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 1.8% xuống 1,813.11 USD/ounce; vàng giao tháng 4 giảm 1.9% xuống 1,817.70 USD/ounce.
- Giá vàng giảm hơn 1% vào thứ Ba, do đồng đô la tăng vọt sau sau khi Chủ tịch Fed Jerome Powell chỉ ra rằng ngân hàng trung ương Mỹ có thể tăng lãi suất với tốc độ nhanh hơn dự kiến.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn Đại Liên kết thúc phiên thứ Ba tăng 1.34% lên 909.5 nhân dân tệ (131.09)/tấn, sau khi giảm 2.13% vào thứ Hai. Trên Sàn giao dịch Singapore, quặng sắt giao tháng 4 kết thúc ở mức 126.7 USD/tấn, tăng 1.93%.
- Giá quặng sắt kỳ hạn trên các sàn Đại Liên và Singapore đều tăng vào thứ Ba do thời tiết ấm hơn làm tăng kỳ vọng về nhu cầu thép và thị trường tập trung vào việc các nguyên tắc cơ bản về tiêu dùng được cải thiện.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica phục hồi từ mức thấp nhất 2.5 tuần, với arabica kỳ hạn tháng 5 tăng 2.25 cent, tương đương 1.2%, lên 1.8255 USD/lb. Giá cà phê robusta giao tháng 5 ít thay đổi, ở mức 2,152 USD/tấn.

Thị trường chứng khoán thế giới

	9/3	% 9/3	8/3	% 8/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1055.95	0.65%	1049.18	-7.33%	1.77%	-0.93%
S&P 500			3992.01	0.14%	1.03%	-3.49%
HĐTL S&P500	3984.50	-0.26%	3995.00	7.46%	-0.01%	-3.37%
Shang-hai	3276.09	-0.22%	3283.25	6.31%	-1.04%	0.86%
Euro Stoxx	4274.98		4288.45	27.05%	0.81%	1.56%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/8/2023	FRT	72.4	85	70	72.5	1	0.14%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.2	2	0.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.6	7	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

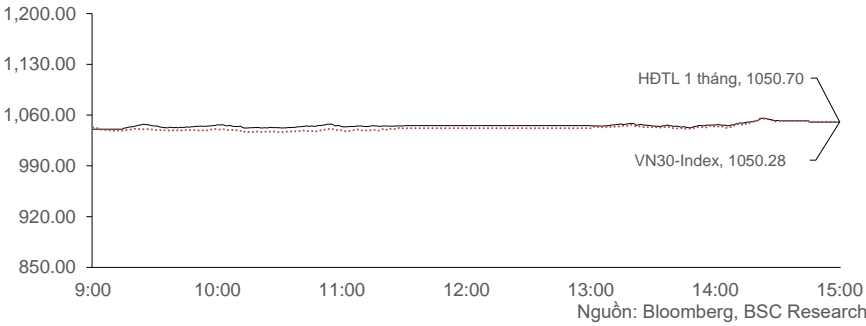
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích:		Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất		TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	0	0.20%	0.00%	0.20%	3
Cổ phiếu đã chốt	251	231	7.01%	-7.47%	3.98%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2309	1044.70	1.65%	-5.58	48.2%	126	9/21/2023	196
VN30F2304	1048.00	1.42%	-2.28	13.4%	2,754	4/20/2023	42
VN30F2303	1050.70	1.22%	0.42	-3.6%	346,084	3/16/2023	7
VN30F2306	1043.90	1.45%	-6.38	35.3%	184	6/15/2023	98

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 9.69 điểm lên 1050.28 điểm, biên độ dao động 15.07 điểm. Các cổ phiếu như STB, TCB, FPT, ACB, và VJC đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được đà tăng từ khi mở cửa và kết phiên tăng 0.93% so với phiên trước. Thanh khoản thị trường cho thấy tín hiệu tích cực nằm trên đường MA20. Khuyến nghị NĐT giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2303 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPOW2209	4/10/2023	32	4:1	735,500	41.66%	1,000	60	50.00%	6	10.73	16,853	16,333	13,000
CPOW2204	3/28/2023	19	5:1	297,500	41.66%	1,000	90	28.57%	30	3.00	14,729	13,979	13,000
CMBB2211	8/31/2023	175	4:1	551,700	40.03%	1,200	140	7.69%	52	2.68	27,640	27,000	17,800
CMBB2211	8/31/2023	175	4:1	551,700	40.03%	1,200	140	7.69%	52	2.68	27,640	27,000	17,800
CFPT2210	8/31/2023	175	10:1	285,700	26.43%	2,350	530	6.00%	315	1.68	96,700	90,000	80,600
CPOW2210	6/6/2023	89	1:1	147,900	41.66%	1,870	960	5.49%	1,122	0.86	13,980	13,000	13,000
CFPT2212	6/6/2023	89	10:1	96,800	26.43%	1,870	1,210	5.22%	1,195	1.01	84,400	70,000	80,600
CHPG2226	9/5/2023	180	2:1	39,100	50.08%	2,300	2,300	4.55%	1,997	1.151	23,980	19,500	21,200
CHPG2225	6/6/2023	89	3:1	630,200	50.08%	1,550	1,510	2.72%	1,604	0.94	21,440	17,000	21,200
CVRE2219	6/6/2023	89	3:1	89,300	45.39%	1,050	420	2.44%	570	0.74	31,040	29,000	27,000
CVPB2214	9/5/2023	180	4:1	853,800	38.80%	1,100	930	2.20%	694	1.34	20,880	17,000	18,200
CMSN2215	9/5/2023	180	10:1	20,800	41.16%	2,600	570	1.79%	348	1.64	114,500	102,000	80,800
CHPG2301	6/27/2023	110	2:1	2,000	50.08%	1,970	2,440	1.24%	1,807	1.35	23,280	19,000	21,200
CVNM2211	6/6/2023	89	5.89:1	6,500	25.01%	2,500	2,000	1.01%	1,856	1.08	80,364	66,806	76,500
CVNM2209	3/10/2023	1	15.7:1	875,600	25.01%	1,000	30	0.00%	67	0.44	79,938	75,537	76,500
CVHM2216	8/31/2023	175	8:1	311,900	35.92%	1,900	140	0.00%	53	2.64	63,760	62,000	42,400
CMBB2210	3/31/2023	22	2:1	43,200	40.03%	2,000	10	0.00%	0	275.28	25,600	25,500	17,800
CACB2207	3/31/2023	22	4:1	608,100	35.50%	1,100	190	-5.00%	211	0.90	26,660	25,500	25,350
CVHM2220	11/1/2023	237	5:1	124,600	35.92%	3,000	600	-6.25%	245	2.45	62,450	58,000	42,400
CHPG2221	3/31/2023	22	4:1	1,922,000	50.08%	1,000	20	-33.33%	31	0.65	25,320	25,000	21,200
Tổng				8,193,900	39.05%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 9/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2221 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 12.94%. Giá trị giao dịch tăng 4.46%. CHPG2221 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.94%.
- CSTB2215, CVNM2207, CTPB2204, và CVRE2211 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2208, CVNM2207, CSTB2215, và CMSN2212 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CVNM2211, và CSTB2222 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
STB	26.50	4.54	2.26
TCB	27.80	1.83	1.19
FPT	80.60	1.38	1.07
ACB	25.35	1.40	1.05
VJC	101.80	3.56	0.99

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VRE	27.0	-0.92	-0.24
HDB	18.5	-0.54	-0.18
NVL	11.0	-0.90	-0.11
BID	47.7	-0.73	-0.07
BCM	84.0	-0.59	-0.02

Source: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	93.00	0.87	0.95	1.10MLN
GVR	15.15	4.48	0.65	3.77MLN
STB	26.50	4.54	0.54	42.58MLN
VJC	101.80	3.56	0.48	438400
HVN	13.30	6.83	0.47	1.13MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	47.65	-0.73	0	1.17MLN
VRE	27.00	-0.92	0	5.05MLN
BCM	84.00	-0.59	0	120800
VCF	231.90	-4.09	0	200
HDB	18.50	-0.54	0	1.20MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVT	7.81	6.99	0.01	13200.00
VNG	9.09	6.94	0.01	48500
SKG	15.45	6.92	0.02	485400
EVG	3.56	6.91	0.01	3.29MLN
DGW	37.25	6.89	0.10	1.48MLN

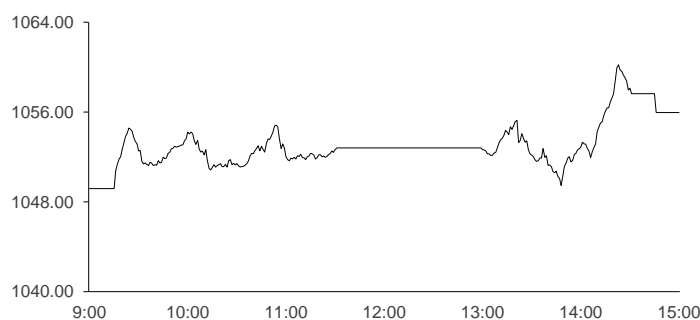
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	47.65	-0.73	-0.44	1.17MLN
VRE	27.00	-0.92	-0.15	5.05MLN
BCM	84.00	-0.59	-0.13	120800.00
VCF	231.90	-4.09	-0.07	200
HDB	18.50	-0.54	-0.06	1.20MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

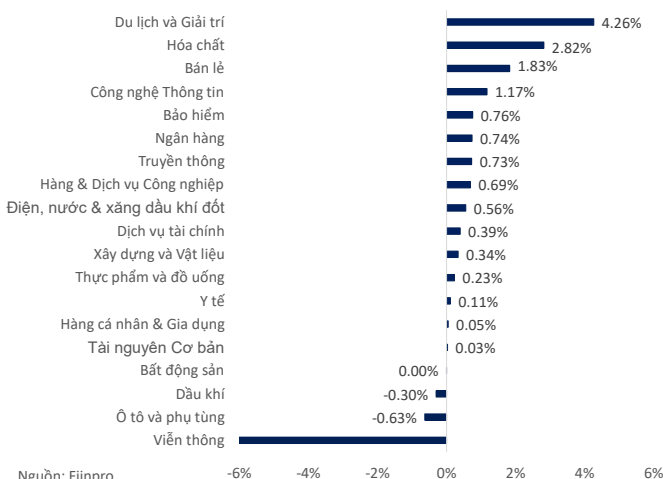
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiipro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	40.70	3.04	0.46	4.09MLN
THD	40.10	1.01	0.23	5700
OCH	8.00	9.59	0.10	529800
VCS	52.40	3.76	0.10	97500.00
VC3	29.80	4.20	0.10	307000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	41.90	-2.56	-0.27	20500
BAB	14.30	-1.38	-0.24	5900
DNP	23.00	-5.35	-0.19	1000
PVS	27.10	-1.45	-0.16	4.17MLN
CEO	20.70	-0.96	-0.06	4.16MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

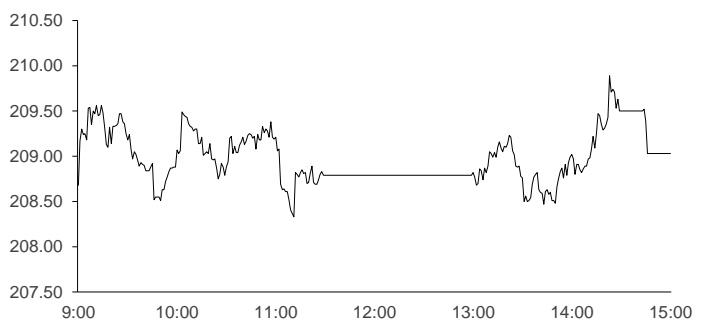
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTZ	8.80	10.0	0.02	8300
PMP	11.10	9.9	0.00	1100
OCH	8.00	9.6	0.10	529800
DNM	21.90	9.5	0.01	200
SDG	16.20	9.5	0.00	200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGC	82.80	-10.00	-0.02	700
VTH	7.40	-9.76	0.00	200
TMC	10.00	-9.09	-0.01	400
PPY	8.50	-8.60	0.00	400
NBP	11.80	-8.53	-0.01	500

Hình 2

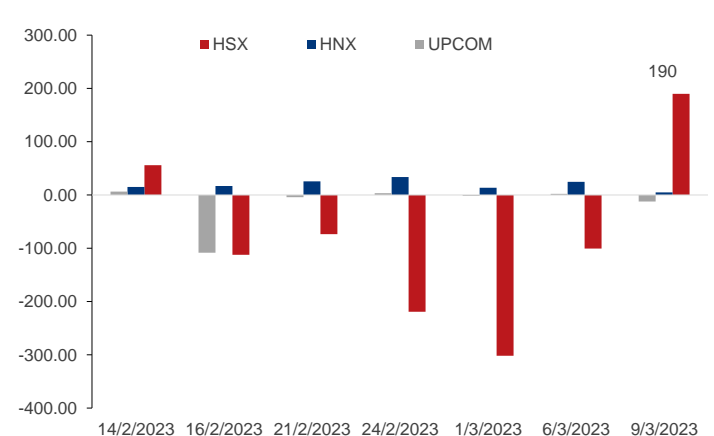
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại

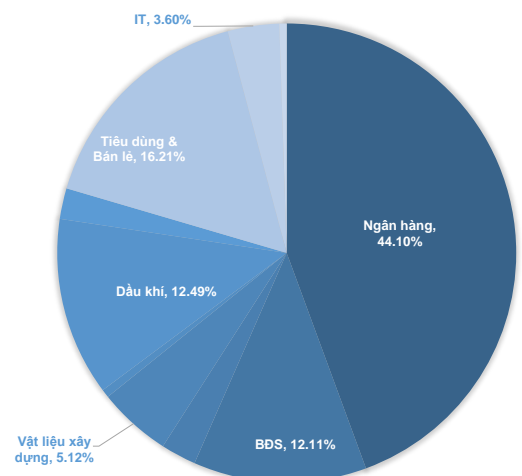


Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
VCB	Ngân hàng	93.0	0.9%	0.8	19,136	4.4	6,316	14.7	3.2	23.6%	24.2%
CTG	Ngân hàng	29.4	0.0%	1.2	6,143	3.0	3,518	8.4	1.3	28.1%	16.9%
VPB	Ngân hàng	18.2	0.3%	1.2	5,312	12.0	2,722	6.7	1.3	17.6%	20.7%
TCB	Ngân hàng	27.8	1.8%	1.4	4,251	3.9	5,737	4.8	0.9	22.5%	19.7%
ACB	Ngân hàng	25.4	1.4%	1.1	3,723	4.1	4,053	6.3	1.5	30.0%	26.5%
MBB	Ngân hàng	17.8	1.1%	1.1	3,509	6.2	3,856	4.6	1.1	23.2%	25.8%
STB	Ngân hàng	26.5	4.5%	1.4	2,172	48.7	2,674	9.9	1.3	29.3%	13.8%
SSI	Chứng khoán	19.8	0.0%	1.7	1,291	15.3	1,456	13.6	1.3	42.8%	9.3%
GVR	BĐS KCN	15.2	4.5%	1.8	2,635	2.4	955	15.9	1.2	0.5%	7.9%
HPG	Vật liệu xây dựng	21.2	0.0%	1.0	5,360	21.6	1,459	14.5	1.3	23.4%	9.1%
HSG	Vật liệu xây dựng	16.3	0.0%	2.1	423	20.0	(1,776)		1.0	10.4%	-10.0%
VHM	BĐS	42.4	0.1%	0.9	8,027	3.3	6,575	6.4	1.3	23.9%	21.3%
VRE	BĐS	27.0	-0.9%	0.4	2,668	5.9	1,222	22.1	1.8	32.5%	8.7%
NLG	BĐS	25.7	0.0%	1.5	429	1.1	1,274	20.2	1.1	45.1%	5.8%
DPM	Phân bón	34.2	0.4%	1.5	581	1.8	14,039	2.4	1.0	18.5%	45.8%
GAS	Dầu khí	106.8	0.8%	0.7	8,887	0.9	7,647	14.0	3.4	3.0%	26.7%
PLX	Dầu khí	39.0	0.3%	0.8	2,154	1.1	1,156	33.7	2.0	18.1%	6.0%
BSR	Dầu khí	16.8	0.6%	1.6	2,265	4.0	4,750	3.5	1.0	41.1%	33.2%
PVS	Dầu khí	27.1	-1.5%	1.3	563	5.0	1,501	18.1	1.1	20.3%	6.0%
PVT	Dầu khí	21.2	-1.4%	1.3	298	2.2	2,587	8.2	1.1	18.3%	14.9%
POW	Tiện ích	13.0	2.0%	1.2	1,324	11.8	809	16.1	1.0	6.2%	6.4%
REE	Tiện ích	68.0	0.0%	0.8	1,051	0.8	7,570	9.0	1.6	49.0%	18.7%
VNM	Tiêu dùng	76.5	0.0%	0.4	6,951	4.6	3,632	21.1	5.4	55.8%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	80.8	0.5%	1.2	5,002	4.4	2,515	32.1	4.4	30.6%	12.1%
MWG	Bán lẻ	40.0	1.5%	1.3	2,545	3.7	2,830	14.1	2.4	49.0%	18.5%
PNJ	Bán lẻ	79.9	-0.1%	0.8	1,139	0.6	6,073	13.2	3.1	49.0%	24.7%
FRT	Bán lẻ	72.5	0.1%	1.3	373	1.7	3,295	22.0	4.3	28.7%	21.3%
VHC	Thủy sản	56.5	1.8%	1.2	450	0.8	10,842	5.2	1.4	30.5%	29.7%
GMD	Logistics	51.3	0.0%	0.7	672	0.7	3,037	16.9	2.2	48.8%	13.8%
FPT	Công nghệ	80.6	1.4%	0.8	3,844	2.2	4,838	16.7	4.2	49.0%	24.8%

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
TCB	Ngân hàng	27.8	1.8%	1.4	4,251	3.9	5,737	4.8	0.9	22.5%	19.7%
BVH	Bảo hiểm	49.5	0.9%	1.0	1,596	0.5	2,059	24.0	1.8	27.3%	7.4%
VND	Chứng khoán	14.7	0.0%	2.1	778	11.1	1,003	14.7	1.2		10.0%
FTS	Chứng khoán	19.2	-0.3%	2.2	162	0.8	1,672	11.5	1.1	25.0%	10.1%
CII	Xây dựng	13.8	2.2%	1.8	151	2.2	3,003	4.6	0.6	8.7%	14.2%
CTD	Xây dựng	38.2	3.7%	1.8	123	1.0	281	135.8	0.3	49.2%	0.3%
HBC	Xây dựng	8.5	0.8%	1.9	101	0.7	(4,168)		0.9	15.6%	-36.1%
LCG	Xây dựng	12.9	-1.5%	2.0	106	4.7	1,044	12.3	1.0	3.8%	8.0%
BCM	KCN	84.0	-0.6%	0.9	3,780	0.4	1,306	64.3	5.2	2.8%	9.9%
IDC	KCN	40.7	3.0%	1.6	584	7.2	6,831	6.0	2.5	1.0%	50.1%
VGC	KCN	34.9	1.7%	1.5	680	1.1	3,855	9.1	2.1	5.3%	23.5%
VCS	Vật liệu	52.4	3.8%	0.8	365	0.2	6,671	7.9	1.7	3.1%	23.6%
HT1	Vật liệu	15.4	-1.3%	1.4	255	1.2	685	22.5	1.2	3.2%	5.1%
BMP	Vật liệu	59.5	-1.0%	0.7	212	0.2	8,505	7.0	1.9	85.6%	28.3%
NKG	Vật liệu	16.7	-0.3%	2.2	191	10.6	(253)		0.8	11.9%	-1.2%
PTB	Vật liệu	41.9	0.0%	1.0	124	0.1	7,158	5.9	1.1	13.3%	19.5%
NVL	BDS	11.0	-0.9%	0.9	928	3.6	1,167	9.4	0.6	5.7%	6.2%
DIG	BDS	12.1	-0.8%	2.5	321	3.6	250	48.4	1.0	5.1%	2.0%
IJC	BDS	12.9	0.0%	2.1	141	1.5	1,932	6.7	0.9	6.3%	13.6%
SCR	BDS	6.7	-1.5%	1.9	115	1.2	127	52.7	0.5	0.6%	1.0%
VEA	Ô tô	37.9	0.8%	0.5	2,190	0.2	4,320	8.8	2.1	5.1%	23.7%
DCM	Phân bón	23.3	0.6%	1.4	536	4.0	7,702	3.0	1.2	10.2%	45.2%
PVD	Dầu khí	22.4	-1.1%	1.5	541	3.7	(0)		0.9	23.2%	-0.7%
PLC	Dầu khí	34.5	1.8%	1.8	121	0.7	1,649	20.9	2.2	1.3%	10.2%
DRC	Săm & Lốp xe	22.7	0.9%	1.3	117	0.2	2,597	8.7	1.4	8.5%	16.7%
GEX	Tiện ích	12.5	5.0%	1.8	463	7.2	446	28.0	0.9	10.8%	3.1%
NT2	Tiện ích	30.2	1.3%	0.8	378	0.6	2,457	12.3	1.9	16.2%	16.3%
VSH	Tiện ích	38.8	-0.4%	0.7	399	0.1	5,354	7.2	1.8	11.7%	28.0%
HDG	Tiện ích	30.8	1.0%	1.5	328	0.7	4,599	6.7	1.4	20.3%	22.7%
PC1	Tiện ích	27.7	-1.8%	1.3	326	2.0	1,664	16.6	1.5	6.8%	9.2%
HND	Tiện ích	14.1	0.0%	0.5	307	0.0	911	15.5	1.1	0.0%	6.9%
QTP	Tiện ích	14.9	0.0%	0.7	292	0.2	1,284	11.6	1.1	0.9%	9.4%
GEG	Tiện ích	14.8	2.8%	1.0	207	0.8	1,193	12.4	1.3	46.4%	8.1%
PPC	Tiện ích	15.4	-0.3%	0.7	215	0.1	1,162	13.2	1.0	13.0%	7.5%
OIL	Tiện ích	9.3	0.0%	1.5	418	0.2	507	18.3	1.0	6.1%	5.4%
DHC		40.5	2.0%	0.6	142	0.4	4,670	8.7	1.9	34.8%	22.0%
SAB	F&B, Bán lẻ	186.5	0.0%	0.2	5,200	1.8	8,006	23.3	5.2	62.6%	23.6%
QNS	F&B, Bán lẻ	38.5	-0.3%	0.5	597	0.3	4,226	9.1	1.6	0.195	17.5%
DBC	F&B, Bán lẻ	14.3	5.6%	2.0	150	3.6	621	23.0	0.7	6.1%	3.2%
PET	F&B, Bán lẻ	22.1	2.6%	2.3	95	0.7	1,582	13.9	1.2		7.4%
HAG	F&B, Bán lẻ	7.8	3.4%	1.4	315	4.3	1,252	6.2	1.4	2.4%	24.8%
ANV	Thủy sản	31.6	-0.3%	1.6	183	1.4	5,299	6.0	1.4	6.3%	25.8%
VJC	Logistics	101.8	3.6%	0.2	2,397	1.9	(4,010)		3.9	17.3%	-14.0%
HVN	Logistics	13.3	6.8%	1.1	1,280	0.7	(4,720)			5.9%	
SCS	Logistics	72.2	0.0%	0.3	295	0.1	6,883	10.5	5.0	29.8%	50.9%
VSC	Logistics	30.4	0.5%	0.4	160	0.4	2,592	11.7	1.3	3.1%	12.9%
VTP	Logistics	26.8	1.1%	1.0	132	0.6	2,252	11.9	2.3	15.7%	20.1%
HAH	Logistics	33.6	0.3%	1.0	103	1.2	10,224	3.3	1.0	10.7%	40.1%
CTR	Công nghệ	57.5	0.0%	1.2	286	0.3	3,885	14.8	4.0	10.8%	30.3%
TNG	Dệt may	18.0	-1.6%	1.7	82	2.2	2,835	6.4	1.2	11.5%	17.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
11	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
15	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
21	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
24	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
26	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
30	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
33	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
36	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
39	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
40	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
42	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

